

**CÔNG TY CỔ PHẦN
XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG**

Số: 02/BC-XNK-HĐQT

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Kiên Giang, ngày 30 tháng 01 năm 2021

BÁO CÁO
Tình hình quản trị công ty năm 2020

Kính gửi:

- Ủy ban chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

- Tên công ty: Công ty cổ phần xuất nhập khẩu Kiên Giang.
- Địa chỉ trụ sở chính: 85-87 đường Lạc Hồng, phường Vĩnh Lạc, Tp. Rạch Giá, Kiên Giang.
- Điện thoại: 0297 3863491 Fax: 0297 3862309 Email: info@kigimex.com.vn
- Vốn điều lệ: 254.300.000.000 đồng.
- Mã chứng khoán: KGM.
- Mô hình quản trị công ty: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc.

I. Hoạt động của Đại hội đồng cổ đông

Trong năm 2020 tình hình dịch Covid-19 diễn biến rất phức tạp, để đảm bảo an toàn cơ quan trong công tác phòng, chống dịch Covid-19 theo chỉ đạo cấp trên và đảm bảo an toàn sức khỏe cho cán bộ nhân viên làm việc tại Công ty và các Nhà đầu tư (Cổ đông) của công ty. Tuy nhiên, công ty đã cố gắng tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 với đầy đủ thủ tục, nội dung theo đúng quy định vào ngày 14/08/2020.

Stt	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	55/NQ-XNK-ĐHĐCĐ	14/08/2020	<p>Thông qua các nội dung:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo của Ban điều hành về hoạt động SXKD năm 2019 và kế hoạch SXKD 2020; - Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2019 và phương hướng nhiệm vụ năm 2020; - Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2019 và phương hướng nhiệm vụ năm 2020; - Báo cáo tài chính năm 2019 đã được kiểm toán; - Phương án phân phối lợi nhuận năm 2019 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2020; - Quỹ tiền lương, thù lao thực hiện năm 2019 và kế hoạch quỹ tiền lương, thù lao năm 2020 của Người quản lý công ty; - Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020; - Việc ủy quyền HĐQT quyết định các hợp đồng hoặc giao dịch thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ;

			- Danh sách 04 đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2020 gồm: + Công ty TNHH Ernst and Young Việt Nam; + Công ty TNHH Deloitte Việt Nam; + Công ty TNHH Pricewaterhouse Coopers Việt Nam; + Công ty TNHH KPMG.
--	--	--	--

II. Hội đồng quản trị

1. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT)

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ (thành viên HĐQT độc lập/không điều hành)	Ngày bắt đầu là thành viên HĐQT	
			Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Đoàn Huỳnh Dũng	Chủ tịch HĐQT chuyên trách	01/07/2016	
2	Bạch Ngọc Văn	Thành viên HĐQT không điều hành	01/07/2016	
3	Dương Thị Thanh Nguyệt	Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc	01/07/2016	
4	Phan Hùng Minh	Thành viên HĐQT không điều hành	01/07/2016	
5	Đỗ Ngọc Khanh	Thành viên HĐQT không điều hành	26/04/2019	

Ghi chú: Bà Dương Thị Thanh Nguyệt, thành viên HĐQT-phó Tổng giám đốc được bổ nhiệm giữ chức vụ Tổng giám đốc kể từ ngày 11/05/2018.

2. Các cuộc họp HĐQT:

Trong năm 2020 Hội đồng quản trị công ty đã tổ chức 10 cuộc họp (trong đó có 09 cuộc họp trực tiếp và 01 cuộc họp bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản)

Stt	Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Đoàn Huỳnh Dũng	10	100%	
2	Bạch Ngọc Văn	10	100%	
3	Dương Thị Thanh Nguyệt	10	100%	
4	Phan Hùng Minh	9	92,3%	Bận công việc đột xuất
5	Đỗ Ngọc Khanh	10	100%	

3. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban điều hành

Trong năm 2020 HĐQT công ty đã giám sát hoạt động của Ban điều hành trong việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020. Trong quá trình lãnh đạo, điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của công ty Ban điều hành đã tuân thủ theo đúng Điều lệ, quy chế nội bộ về quản trị, quy chế quản lý nội bộ, nghị quyết, quyết định của HĐQT.

Việc giám sát của HĐQT được thực hiện thông qua các báo cáo định kỳ của Tổng giám đốc. Đồng thời, qua các cuộc họp của HĐQT, Tổng giám đốc đánh giá tóm lược tình hình kinh doanh và đưa ra kế hoạch, định hướng trong thời gian tới.

Trong điều kiện kinh doanh có rất nhiều khó khăn trong năm 2020 đặc biệt là tình hình diễn biến của dịch Covid-19 và có sự thay đổi trong chính sách về xuất khẩu lương thực trong nước và các nước nhập khẩu. Nhưng ban điều hành đã cố gắng, vượt qua khó khăn, dự báo tình hình tốt nên kết quả kinh doanh năm 2020 đạt vượt kế hoạch được giao.

4. Các Nghị quyết của Hội đồng quản trị:

Stt	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung	Phụ ghi
1	4B/NQ-XNK-HĐQT	01/4/2020	V/v chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020.	
2	5B/NQ-XNK-HĐQT	15/4/2020	V/v tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2020 của Công ty CP XNK Kiên Giang.	
4	08/NQ-XNK-HĐQT	01/6/2020	V/v phê duyệt huy động vốn phục vụ hoạt động SXKD năm 2020 của Công ty CP XNK Kiên Giang.	
5	09/NQ-XNK-HĐQT	01/6/2020	V/v phê duyệt đầu tư máy tách màu, cân đóng gói và thiết bị phụ trợ tại Xí nghiệp CBLT XK Thạnh Hưng trực thuộc Công ty CP XNK Kiên Giang.	
6	11/NQ-XNK-HĐQT	01/6/2020	V/v phê duyệt hạn mức tín dụng năm 2020 tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – CN Kiên Giang.	
7	15/NQ-XNK-HĐQT	01/6/2020	V/v phê duyệt hạn mức tín dụng năm 2020 tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam – CN Phú Quốc.	
8	10B/NQ-XNK-HĐQT	26/6/2020	V/v thay đổi thời gian tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 của Công ty CP XNK Kiên Giang.	
9	24/NQ-XNK-HĐQT	07/7/2020	V/v phê duyệt hạn mức tín dụng năm 2020 tại Ngân hàng Hàng Hải Việt Nam – CN Hồ Chí Minh.	
10	28/NQ-XNK-HĐQT	09/7/2020	V/v chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020.	
11	31/NQ-XNK-HĐQT	15/7/2020	V/v lựa chọn đơn vị kiểm toán xét báo cáo tài chính bán niên năm 2020 và thời gian tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2020.	
12	33/NQ-XNK-HĐQT	15/7/2020	V/v phê duyệt hạn mức tín dụng năm 2020 tại Ngân hàng TMCP xuất nhập khẩu Việt Nam – CN Sài Gòn.	

13	35/NQ-XNK-HĐQT	15/7/2020	V/v phê duyệt hạn mức tín dụng năm 2020 tại Ngân hàng TMCP Tiên Phong – CN Kiên Giang.	
14	57/NQ-XNK-HĐQT	21/8/2020	V/v phê duyệt đầu tư máy lau bóng, thiết bị phụ trợ và băng tải trên không tại Xí nghiệp Sơn Thuận, An Hòa trực thuộc Công ty CP XNK Kiên Giang.	
14	62/NQ-XNK-HĐQT	14/10/2020	V/v ký hợp đồng cung ứng gạo với Tổng Công ty lương thực Miền Bắc.	
15	63/NQ-XNK-HĐQT	14/10/2020	V/v chọn Công ty kiểm toán thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính năm 2020.	
16	79/NQ-XNK-HĐQT	25/12/2020	V/v phê duyệt hạn mức tín dụng năm 2020 tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng – CN Kiên Giang.	
17	81/NQ-XNK-HĐQT	25/12/2020	V/v phê duyệt hạn mức tín dụng năm 2020 tại Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam – CN Cần Thơ.	
18	83/NQ-XNK-HĐQT	25/12/2020	V/v phê duyệt hạn mức tín dụng năm 2020 tại Ngân hàng TMCP Phát Triển TP.Hồ Chí Minh.	

III. Ban kiểm soát

1. Thông tin về thành viên Ban Kiểm soát (BKS)

Stt	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu là thành viên BKS	Trình độ chuyên môn
01	Bà Trần Thị Mai Trinh	Trưởng ban	01/07/2016	Đại học TCKT
02	Nguyễn Thanh Sơn	TV Ban KS	01/07/2016	Cử nhân QTKD
03	Nguyễn Thị Phụng	TV Ban KS	01/07/2016	Cao đẳng TCKT

2. Cuộc họp của BKS

Stt	Thành viên BKS	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Tỷ lệ biểu quyết	Lý do không tham dự họp
01	Bà Trần Thị Mai Trinh	04	100%	100%	
02	Nguyễn Thanh Sơn	04	100%	100%	
03	Nguyễn Thị Phụng	04	100%	100%	

3. Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc điều hành và cổ đông

- ĐHCĐ thường niên và các phiên họp của HĐQT có sự tham gia của Ban kiểm soát để tham gia ý kiến thảo luận, báo cáo việc kiểm soát các hoạt động của Công ty để đề xuất với HĐQT;

- Ban kiểm soát đã tiến hành các kiểm tra giám sát định kỳ đối với ban điều hành Công ty;

- Tham gia soát xét báo cáo Công ty kiểm toán độc lập KPMG trong việc thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính 6 tháng/năm theo đúng quy định pháp luật;

- Báo cáo tài chính năm 2020 được lập phù hợp với chuẩn mực kế toán hiện hành Được công bố thông tin đúng theo quy định.

4. Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác

- Ban kiểm soát phối hợp chặt chẽ với HĐQT trong các phiên họp HĐQT đều có tham gia ý kiến đóng góp, báo cáo về công tác kiểm soát;

- Ban kiểm soát phối hợp chặt chẽ với Ban điều hành, ban chuyên quản nội bộ công ty trong việc kiểm tra kiểm soát định kỳ. Ban điều hành tạo điều kiện thuận lợi cho Ban kiểm soát hoạt động thông qua việc cung cấp thông tin, hồ sơ, chứng từ...

5. Hoạt động khác của BKS (nếu có): không có

IV. Ban điều hành

STT	Thành viên Ban điều hành	Ngày tháng năm sinh	Trình độ chuyên môn	Ngày bổ nhiệm thành viên Ban điều hành
1	Dương Thị Thanh Nguyệt	27/02/1975	Đại học Kế toán	11/05/2018
2	Phạm Minh Trung	19/02/1981	Đại học Quản trị kinh doanh	01/07/2016

V. Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ chuyên môn nghiệp vụ	Ngày bổ nhiệm
1	Trần Thị Diệp	28/02/1975	Đại học Tài chính kế toán	22/10/2019

VI. Đào tạo về quản trị công ty

Các thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng Giám đốc điều hành, Thư ký công ty đã tham gia khóa đào tạo giám đốc doanh nghiệp.

VII. Danh sách về người có liên quan của công ty đại chúng và giao dịch của người có liên quan của công ty với chính Công ty

1. Danh sách về người có liên quan của công ty: *Phụ lục 01*

2. Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ. *Phụ lục 02*

3. Giao dịch giữa người nội bộ công ty, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát. *Không có*

4. Giao dịch giữa công ty với các đối tượng khác: *Không có*

4.1. Giao dịch giữa công ty với công ty mà thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý khác đã và đang là thành viên sáng lập hoặc thành

viên HĐQT, Tổng Giám đốc điều hành trong thời gian ba (03) năm trở lại đây (tính tại thời điểm lập báo cáo). *Phụ lục 03*

4.2. Giao dịch giữa công ty với công ty mà người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý khác là thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc điều hành.

4.3. Các giao dịch khác của công ty (nếu có) có thể mang lại lợi ích vật chất hoặc phi vật chất đối với thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý khác.

VIII. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người liên quan của người nội bộ:

1. Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ: *Phụ lục 01*
2. Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của công ty: không có.

IX. Các vấn đề cần lưu ý khác: Không có

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT Công ty;
- Ban TGD Công ty;
- Ban kiểm soát Công ty;
- Các phòng nghiệp vụ;
- Lưu: VT, P.TCHC

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



Đoàn Huỳnh Dũng

Phụ lục 01: Danh sách người có liên quan công ty; danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ
(Đính kèm báo cáo tình hình quản trị năm 2020 số: 02 /BC-XNK-HDQT ngày 30 tháng 01 năm 2021)

I. Danh sách người có liên quan của công ty.

S T T	Tên tổ chức/cá nhân	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số GCN đăng ký doanh nghiệp/ Số CMND/Hộ chiếu (đối với cá nhân), ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan	Thời điểm không còn là người có liên quan	Lý do
1	Tổng công ty lương thực Miền Nam – Công ty cổ phần		Sở hữu 83,31% cổ phần Công ty	Số: 0300613198, cấp ngày 08/02/2007, nơi cấp: Sở Kế hoạch Đầu tư Tp.HCM	333 Trần Hưng Đạo, phường Cầu Kho, quận 1, Tp. HCM	27/06/2016		
2	Ông Đoàn Huỳnh Dũng		Chủ tịch HĐQT (Chuyên trách)	Số: 370036342, cấp ngày 19/12/2005, nơi cấp Công an tỉnh Kiên Giang	39/12 Huỳnh Mãn Đạt, P. Vĩnh Lạc, Tp. Rạch Giá, Kiên Giang	27/06/2016		
3	Ông Bạch Ngọc Văn		Thành viên HĐQT (không điều hành)	Số: 37139925, cấp ngày 18/09/2009, nơi cấp Công an tỉnh Kiên Giang	40-F8 Văn Cao, P. Vĩnh Lạc, Tp. Rạch Giá, Kiên Giang	27/06/2016		
4	Ông Đỗ Ngọc Khanh		Thành viên HĐQT (không điều hành)	Số: 111535338, cấp ngày 01/04/2011, nơi cấp Công an Hà Nội	Xóm Ngánh, thôn Ngọc Than, xã Ngọc Mỹ, huyện Quốc Oai, Tp. Hà Nội	26/04/2019		
5	Ông Phan Hùng Minh		Thành viên HĐQT (không điều hành)	Số: 022723978, cấp ngày 05/01/2006, nơi cấp: Công an Tp.HCM	300 Khuông Việt, P. Phú Trung, Q. Tân Phú, Tp. HCM	27/06/2016		

6	Bà Dương Thị Thanh Nguyệt		Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc	Số: 370906927, cấp ngày 09/6/2017, nơi cấp Công an tỉnh Kiên Giang	23-E6 Đông Đa, P. Vĩnh Lạc, Tp. Rạch Giá, Kiên Giang	27/06/2016		
7	Ông Phạm Minh Trung		Phó tổng giám đốc	Số: 370978072, cấp ngày 01/01/2011, nơi cấp Công an tỉnh Kiên Giang	88 Vũ Trọng Phụng, P. Vĩnh Lạc, Tp. Rạch Giá, Kiên Giang	27/06/2016		
8	Bà Trần Thị Mai Trinh		Trưởng ban kiểm soát (Chuyên trách)	Số: 370510845, cấp ngày 14/05/2019, nơi cấp Công an tỉnh Kiên Giang	134/7 Chu Văn An, P. Vĩnh Lạc, Tp. Rạch Giá, Kiên Giang	27/06/2016		
9	Ông Nguyễn Thanh Sơn		Thành viên BKS (Không chuyên trách)	Số: 372044846, cấp ngày 10/8/2018, nơi cấp Công an tỉnh Kiên Giang	1081 D/7 Lâm Quang Ky, P. An Hòa, Tp. Rạch Giá, Kiên Giang	27/06/2016		
10	Bà Nguyễn Thị Phụng		Thành viên BKS (Không chuyên trách)	Số: 311825139, cấp ngày 26/01/2016, nơi cấp Công an tỉnh Bình Định	Xóm 2, An Dưỡng 2, Hoài Tân, Hoài Nhơn, Bình Định	27/06/2016		
11	Bà Trần Thị Điệp		Phụ trách kế toán	Số: 371555225, cấp ngày 26/9/2008, nơi cấp Công an tỉnh Kiên Giang	689 Ngô Quyền, P. Vĩnh Lạc, Tp. Rạch Giá, Kiên Giang	22/10/2019		

II. Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ

S T T	Họ tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
-------------	--------	--	------------------------------	-------------------------------------	-----------------	----------------------------	-------------------------------	---------

1	Ông Đoàn Huỳnh Dũng		Chủ tịch HĐQT (Chuyên trách)	Số: 370036342, cấp ngày 19/12/2005, nơi cấp Công an tỉnh Kiên Giang	39/12 Huỳnh Mẫn Đạt, P. Vĩnh Lạc, Tp. Rạch Giá, Kiên Giang	10.000	0,039%	
	Nguyễn Thị Hương					0	0%	Vợ
	Đoàn Huỳnh Như					0	0%	Con ruột
	Đoàn Huỳnh Thư					0	0%	Con ruột
	Đoàn Thị Huỳnh Hoa					0	0%	Chị ruột
	Đoàn Thị Huỳnh Anh					0	0%	Chị ruột
	Đoàn Thị Huỳnh Liên					0	0%	Em ruột
2	Ông Bạch Ngọc Văn		TV HĐQT (Không điều hành)	Số: 37139925, cấp ngày 18/09/2009, nơi cấp Công an tỉnh Kiên Giang	40-F8 Văn Cao, P. Vĩnh Lạc, Tp. Rạch Giá, Kiên Giang	251.600	0,989%	
	Bạch Ngọc Cẩm					0	0%	Cha ruột
	Đặng Thị Thanh Trúc					0	0%	Mẹ ruột
	Nguyễn Kim Lũy					0	0%	Vợ

	Bạch Nhã An Thuyên					0	0%	Con ruột
	Bạch Ngọc Vũ					0	0%	Anh ruột
	Bạch Nữ Kiều Diễm					0	0%	Chị ruột
	Bạch Nữ Kiều Trang					0	0%	Chị ruột
	Bạch Nữ Kiều Linh					0	0%	Chị ruột
3	Ông Đỗ Ngọc Khanh		Thành viên HDQT (không điều hành)	Số: 111535338, cấp ngày 01/04/2011, nơi cấp Công an Hà Nội	Xóm Ngánh, thôn Ngọc Than, xã Ngọc Mỹ, huyện Quốc Oai, Tp. Hà Nội	0	0%	
	Đỗ Duy Khích					0	0%	Cha ruột
	Đỗ Ngọc Khôi					0	0%	Em ruột
	Nguyễn Thị Ngọc Minh					0	0%	Vợ
	Đỗ Nam Cường					0	0%	Con ruột
4	Phan Hùng Minh		Thành viên	Số: 022723978, cấp ngày	300 Khuông Việt, P.	2.543.000	10%	

			HĐQT (không điều hành)	05/01/2006, nơi cấp: Công an Tp.HCM	Phú Trung, Q. Tân Phú, Tp. HCM			
	Phạm Thị Phương Thảo					0	0%	Vợ
	Phan Thảo Minh Châu					0	0%	Con ruột
	Phan Thảo Minh Khôi					0	0%	Con ruột
	Phan Thị Thanh Nhân					0	0%	Chị ruột
	Phan Thị Thanh Xuân					0	0%	Chị ruột
	Phan Hùng Sơn					0	0%	Anh ruột
	Phan Hùng Sanh					0	0%	Anh ruột
	Phan Hùng Lân					0	0%	Anh ruột
	Phan Hùng Long					0	0%	Anh ruột
	Phan Hùng Lộc					0	0%	Anh ruột

5	Bà Dương Thị Thanh Nguyệt		Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc	Số: 370906927, cấp ngày 09/6/2017, nơi cấp Công an tỉnh Kiên Giang	23-E6 Đông Đa, P. Vĩnh Lạc, Tp. Rạch Giá, Kiên Giang	101.500	0,399%	
	Lê Thị Bảy					0	0%	Mẹ ruột
	Nguyễn Duy An					0	0%	Chồng
	Nguyễn Duy Bảo Ngọc					0	0%	Con ruột
	Nguyễn Duy Trung					0	0%	Con ruột
	Dương Thị Thanh Lan					0	0%	Chị ruột
	Dương Thị Thanh Thúy					0	0%	Chị ruột
	Dương Thị Diễm Chi					0	0%	Chị ruột
	Dương Thị Xuân Hương					0	0%	Chị ruột
	Dương Thị Mỹ Trinh					0	0%	Chị ruột
	Dương Thị Bảo Thu					0	0%	Em ruột

6	Ông Phạm Minh Trung		Phó Tổng giám đốc	Số: 370978072, cấp ngày 01/01/2011, nơi cấp Công an tỉnh Kiên Giang	88 Vũ Trọng Phụng, P. Vĩnh Lạc, Tp. Rạch Giá, Kiên Giang	0	0%	
	Phạm Minh Sơn					0	0%	Cha ruột
	Nguyễn Tuyết Nga					0	0%	Mẹ ruột
	Quách Thúy Hằng		Nhân viên kế toán Công ty	Số: B1880596, cấp ngày 13/02/2008, nơi cấp Cục quản lý xuất nhập cảnh	88 Vũ Trọng Phụng, P. Vĩnh Lạc, TP. Rạch Giá, KG	5.900	0,023	Vợ
	Phạm Minh Thành					0	0%	Con ruột
	Phạm Thành Đạt					0	0%	Con ruột
	Phạm Minh Tùng		Giám đốc Chi nhánh trực thuộc Công ty	Số: 371060089, cấp ngày 11/11/2016, nơi cấp Công an tỉnh Kiên Giang	Ấp 3, xã Vĩnh Tuy, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang	11.500	0,045	Anh ruột
	Phạm Thanh Thảo					0	0%	Chị ruột
	Phạm Minh Toàn					0	0%	Em ruột
7	Bà Trần Thị Mai		Trưởng ban	Số: 370510845, cấp ngày	134/7 Chu Văn An, P.	11.500	0,045%	

	Trình		kiểm soát (Chuyên trách)	14/05/2019, nơi cấp Công an tỉnh Kiên Giang	Vĩnh Lạc, Tp. Rạch Giá, Kiên Giang			
	Trịnh Minh Nguyệt					0	0%	Mẹ ruột
	Trần Quốc Thanh					0	0%	Anh ruột
	Trần Thị Mai Hương					0	0%	Chị ruột
8	Ông Nguyễn Thanh Sơn		Thành viên BKS (Không chuyên trách)	Số: 372044846, cấp ngày 10/8/2018, nơi cấp Công an tỉnh Kiên Giang	1081 D/7 Lâm Quang Ky, P.An Hòa, Tp. Rạch Giá, Kiên Giang	51.500	0,203%	
	Nguyễn Văn Bản					0	0%	Cha ruột
	Trần Thị Bạch Tuyết					0	0%	Mẹ ruột
	Trần Thị Thu Huyền					0	0%	Vợ
	Nguyễn Trần Minh Hiếu					0	0%	Con ruột
	Nguyễn Trần Minh Thuận					0	0%	Con ruột

	Nguyễn Văn Hai					0	0%	Anh ruột
	Nguyễn Phước Tấn					0	0%	Anh ruột
	Nguyễn Thị Cẩm Nhung					0	0%	Chị ruột
	Nguyễn Thị Cẩm Liên					0	0%	Chị ruột
	Nguyễn Thị Hồng Thắm					0	0%	Em ruột
9	Bà Nguyễn Thị Phượng		Thành viên BKS (Không chuyên trách)	Số: 311825139, cấp ngày 26/01/2016, nơi cấp Công an tỉnh Bình Định	Xóm 2, An Dương 2, Hoài Tân, Hoài Nhơn, Bình Định	0	0%	
	Nguyễn Văn Sáu					0	0%	Cha ruột
	Nguyễn Thị Thiểu					0	0%	Mẹ ruột
	Nguyễn Văn Vinh					0	0%	Anh ruột
	Nguyễn Thị Hà					0	0%	Chị ruột
	Nguyễn Văn Long					0	0%	Anh ruột

	Nguyễn Văn Lân					0	0%	Anh ruột
10	Bà Trần Thị Diệp		Phụ trách kế toán	Số: 371555225, cấp ngày 26/9/2008, nơi cấp Công an tỉnh Kiên Giang	689 Ngô Quyền, P. Vĩnh Lạc, Tp. Rạch Giá, Kiên Giang	4.500	0,02%	
	Trần Văn So					0	0%	Cha ruột
	Bùi Thị Cúc					0	0%	Mẹ ruột
	Đặng Vĩnh Đức					0	0%	Chồng
	Đặng Hữu Đạt					0	0%	Con ruột
	Đặng Ngọc Anh					0	0%	Con ruột
	Trần Văn Hăng					0	0%	Anh ruột
	Trần Việt Khoa					0	0%	Em ruột
	Trần Thị Ngọc Giàu					0	0%	Em ruột
	Trần Văn Thi					0	0%	Em ruột

**Phụ lục 02: Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty;
hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ.**

(Đính kèm báo cáo tình hình quản trị năm 2020 số: 02 /BC-XNK-HĐQT ngày 30 tháng 01 năm 2021)

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết của ĐHCĐ/ HĐQT	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch	Ghi chú
1	Tổng công ty lương thực Miền Nam-CTCP (Vinafood2)	Công ty mẹ nắm giữ 83,31% cổ phần Công ty	Số: 0300613198, cấp lần đầu ngày 08/02/2007, lần thay đổi gần nhất ngày 11/03/2020, nơi cấp: Sở Kế hoạch Đầu tư TP.HCM	333 Trần Hưng Đạo, phường Cầu Kho, quận 1, TP. HCM		Nghị quyết số: 92/NQ-XNK-HĐQT ngày 27/12/2019	Mua, bán gạo các loại	
1.1					30/03/2020		11.000 tấn gạo, tổng giá trị 123 tỷ đồng	Hợp đồng bán gạo nội địa
1.2					03/04/2020		1.500 tấn gạo, tổng giá trị 16,65 tỷ đồng	Hợp đồng bán gạo nội địa
1.3					28/09/2020		1.040 tấn gạo, tổng giá trị 10,088 tỷ đồng	Hợp đồng bán gạo nội địa

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết của ĐHĐCĐ/ HĐQT	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch	Ghi chú
2.	Công ty lương thực Long An	Chi nhánh Vinafood2		Số 10 đường Cử Luyện, Phường 5, Tp. Tân An, Long An		Nghị quyết số: 92/NQ-XNK-HĐQT ngày 27/12/2019	Mua, bán gạo các loại	
2.1					10/08/2020		1.000 tấn gạo, tổng giá trị 11,9 tỷ đồng	Hợp đồng mua gạo
3.	Công ty lương thực Sông Hậu	Chi nhánh Vinafood2		Lô 18 KCN Trà Nóc I, P.Trà Nóc, Q.Bình Thủy, TP.Cần Thơ		Nghị quyết số: 92/NQ-XNK-HĐQT ngày 27/12/2019	Mua, bán gạo các loại	
3.1					10/08/2020		1.000 tấn gạo, tổng giá trị 10,6 tỷ đồng	Hợp đồng mua gạo
3.2					01/09/2020		1.000 tấn gạo, tổng giá trị 11,35 tỷ đồng	Hợp đồng mua gạo
3.3					01/09/2020		460 tấn gạo, tổng giá trị 5,221 tỷ đồng	Hợp đồng mua gạo

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết của ĐHĐCĐ/ HĐQT	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch	Ghi chú
4.	CN CTCP lương thực Bình Định - XN CBLT XK Hòa Bình	Chi nhánh Cty con của Vinafood2		Áp An Thái, xã Hòa Bình, H.Chợ Mới Tỉnh An Giang		Nghị quyết số: 92/NQ-XNK-HĐQT ngày 27/12/2019	Mua, bán gạo các loại	
4.1					08/07/2020		1.000 tấn gạo, tổng giá trị 10,950 tỷ đồng	Hợp đồng mua gạo
5.	CTCP xây lắp cơ khí và lương thực thực phẩm	Cty con của Vinafood2		Số 29 Nguyễn Thị Bảy, Phường 6, TP.Tân An, Tỉnh Long An		Nghị quyết số: 92/NQ-XNK-HĐQT ngày 27/12/2019	Mua, bán gạo các loại	
5.1					26/05/2020		800 tấn gạo, tổng giá trị 6,68 tỷ đồng	Hợp đồng mua gạo
6.	Công ty lương thực Bạc Liêu	Chi nhánh Vinafood2		Số 166 Võ Thị Sáu, Phường 8, Tp. Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu		Nghị quyết số: 92/NQ-XNK-HĐQT ngày 27/12/2019	Mua, bán gạo các loại	

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết của ĐHĐCĐ/ HĐQT	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch	Ghi chú
6.1					28/09/2020		200 tấn gạo, tổng giá trị 2,26 tỷ đồng	Hợp đồng bán gạo
6.2					24/09/2020		341 tấn gạo, tổng giá trị 3,853 tỷ đồng	Hợp đồng bán gạo
7.	Công ty lương thực An Giang	Chi nhánh Vinafood2		Số 06 Nguyễn Du, Phường Mỹ Bình, Tp. Long Xuyên, An Giang		Nghị quyết số: 92/NQ-XNK-HĐQT ngày 27/12/2019	Mua, bán gạo các loại	
7.1					25/09/2020		200 tấn gạo, tổng giá trị 2,2 tỷ đồng	Hợp đồng bán gạo
8.	TCTY lương thực Miền Nam-Chi nhánh Thốt Nốt	Chi nhánh Vinafood2		Khu vực Thới Hòa 1, Phường Thới Thuận, Quận Thốt Nốt, Tp. Cần Thơ		Nghị quyết số: 92/NQ-XNK-HĐQT ngày 27/12/2019	Mua, bán gạo các loại	
8.1					02/10/2020		500 tấn gạo, tổng giá trị 5,75 tỷ đồng	Hợp đồng bán gạo

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết của ĐHĐCĐ/ HĐQT	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch	Ghi chú
8.2					05/10/2020		500 tấn gạo, tổng giá trị 5,75 tỷ đồng	Hợp đồng bán gạo
9.	<i>Công ty TNHH đầu tư sản xuất thương mại dịch vụ Phan Minh (Viết tắt là Công ty Phan Minh)</i>	<i>TV HĐQT Công ty là Giám đốc Công ty Phan Minh</i>	<i>Số: 0303283290, cấp ngày 27/05/2019, nơi cấp: Sở Kế hoạch Đầu tư TP.HCM</i>	<i>Số 300, Đường Khuông Việt, Phường Phú Trung, Quận Tân Phú, TP. HCM</i>		<i>Nghị quyết số: 94/NQ-XNK-HĐQT ngày 27/12/2019</i>	<i>Mua, bán gạo các loại</i>	
9.1					17/01/2020		104 tấn gạo, tổng giá trị 49.244 usd	Hợp đồng Ủy thác
9.2					12/05/2020		1.434 tấn gạo, tổng giá trị 900.162 usd	Hợp đồng Ủy thác
9.3					11/08/2020		1.240 tấn gạo, tổng giá trị 758.188 usd	Hợp đồng Ủy thác
9.4					13/07/2020		196 tấn gạo, tổng giá trị 131.418 usd	Hợp đồng Ủy thác

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết của ĐHĐCĐ/ HĐQT	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch	Ghi chú
9.5					15/01/2020		15.000 tấn gạo, tổng giá trị 153 tỷ đồng	Hợp đồng mua gạo
9.6					03/02/2020		2.175 tấn gạo, tổng giá trị 19,575 tỷ đồng	Hợp đồng mua gạo
9.7					24/05/2020		14.000 tấn gạo, tổng giá trị 166,6 tỷ đồng	Hợp đồng mua gạo
9.8					26/05/2020		6.000 tấn gạo, tổng giá trị 70,8 tỷ đồng	Hợp đồng mua gạo
9.9					15/08/2020		1.500 tấn gạo, tổng giá trị 17,67 tỷ đồng	Hợp đồng mua gạo
9.10					04/09/2020		5.000 tấn gạo, tổng giá trị 64 tỷ đồng	Hợp đồng mua gạo

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết của ĐHĐCĐ/ HĐQT	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch	Ghi chú
9.11					16/09/2020		20.000 tấn gạo, tổng giá trị 24,5 tỷ đồng	Hợp đồng mua gạo
9.12	<i>Công ty TNHH đầu tư sản xuất thương mại dịch vụ Phan Minh (Viết tắt là Công ty Phan Minh)</i>	<i>Thành viên HĐQT công ty là giám đốc Công ty Phan Minh</i>	<i>Số: 0303283290, cấp ngày 27/05/2019, nơi cấp: Sở Kế hoạch Đầu tư TP.HCM</i>	<i>Số 300, Đường Khuông Việt, Phường Phú Trung, Quận Tân Phú, TP. HCM</i>		<i>Nghị quyết số: 90/NQ-XNK-HĐQT ngày 27/12/2019</i>		
9.13					04/01/2020		9.742 cái, tổng giá trị 0,09 tỷ đồng	Hợp đồng mua bao bì
9.14					08/01/2020		2.669.410 cái, tổng giá trị 10,96 tỷ đồng	Hợp đồng mua bao bì
9.15					16/01/2020		6.230 cái, tổng giá trị 0,06 tỷ đồng	Hợp đồng mua bao bì
9.16					04/02/2020		12.350 cái, tổng giá trị 0,12 tỷ đồng	Hợp đồng mua bao bì

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết của ĐHĐCĐ/ HĐQT	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch	Ghi chú
9.17					26/02/2020		623.775 cái, tổng giá trị 3,43 tỷ đồng	Hợp đồng mua bao bì
9.18					07/02/2020		24.135 cái, tổng giá trị 0,19 tỷ đồng	Hợp đồng mua bao bì
9.19					19/02/2020		24.485 cái, tổng giá trị 0,16 tỷ đồng	Hợp đồng mua bao bì
9.20					25/02/2020		28.670 cái, tổng giá trị 0,17 tỷ đồng	Hợp đồng mua bao bì
9.21					26/02/2020		4.120 cái, tổng giá trị 0,03 tỷ đồng	Hợp đồng mua bao bì
9.22					03/03/2020		9.260 cái, tổng giá trị 0,09 tỷ đồng	Hợp đồng mua bao bì

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết của ĐHĐCĐ/ HĐQT	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch	Ghi chú
9.23					31/01/2020		4.727.350 cái, tổng giá trị 19,24 tỷ đồng	Hợp đồng mua bao bì
9.24					06/03/2020		7.715 cái, tổng giá trị 0,08 tỷ đồng	Hợp đồng mua bao bì
9.25					18/03/2020		41.200 cái, tổng giá trị 0,41 tỷ đồng	Hợp đồng mua bao bì
9.26					20/03/2020		35.540 cái, tổng giá trị 0,2 tỷ đồng	Hợp đồng mua bao bì
9.27					21/03/2020		16.020 cái, tổng giá trị 0,13 tỷ đồng	Hợp đồng mua bao bì
9.28					24/03/2020		414.220 cái, tổng giá trị 2,43 tỷ đồng	Hợp đồng mua bao bì

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết của ĐHĐCĐ/ HĐQT	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch	Ghi chú
9.29					24/03/2020		8.200 cái, tổng giá trị 0,07 tỷ đồng	Hợp đồng mua bao bì
9.30					31/03/2020		276.810 cái, tổng giá trị 1,43 tỷ đồng	Hợp đồng mua bao bì
9.31					17/04/2020		4.230.390 cái, tổng giá trị 18,57 tỷ đồng	Hợp đồng mua bao bì
9.32					17/04/2020		94.400 cái, tổng giá trị 0,6 tỷ đồng	Hợp đồng mua bao bì
9.33					17/04/2020		31.120 cái, tổng giá trị 0,17 tỷ đồng	Hợp đồng mua bao bì
9.34					20/04/2020		27.415 cái, tổng giá trị 0,18 tỷ đồng	Hợp đồng mua bao bì

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết của ĐHĐCĐ/ HĐQT	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch	Ghi chú
9.35					23/04/2020		121.680 cái, tổng giá trị 0,87 tỷ đồng	Hợp đồng mua bao bì
9.36					29/04/2020		73.745 cái, tổng giá trị 0,45 tỷ đồng	Hợp đồng mua bao bì
9.37					29/04/2020		81.920 cái, tổng giá trị 0,53 tỷ đồng	Hợp đồng mua bao bì
9.38					04/05/2020		45.690 cái, tổng giá trị 0,27 tỷ đồng	Hợp đồng mua bao bì
9.39					08/05/2020		526.675 cái, tổng giá trị 0,04 tỷ đồng	Hợp đồng mua bao bì
9.40					09/05/2020		63.670 cái, tổng giá trị 0,66 tỷ đồng	Hợp đồng mua bao bì

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết của ĐHĐCĐ/ HĐQT	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch	Ghi chú
9.41					13/05/2020		225.950 cái, tổng giá trị 0,86 tỷ đồng	Hợp đồng mua bao bì
9.42					14/05/2020		81.660 cái, tổng giá trị 0,44 tỷ đồng	Hợp đồng mua bao bì
9.43					27/05/2020		219.761 cái, tổng giá trị 1,07 tỷ đồng	Hợp đồng mua bao bì
9.44					04/06/2020		8.235 cái, tổng giá trị 0,08 tỷ đồng	Hợp đồng mua bao bì
9.45					15/06/2020		106.710 cái, tổng giá trị 0,41 tỷ đồng	Hợp đồng mua bao bì
9.46					07/07/2020		1.080 cái, tổng giá trị 0,01 tỷ đồng	Hợp đồng mua bao bì

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết của ĐHĐCĐ/ HĐQT	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch	Ghi chú
9.47					14/07/2020		774.215 cái, tổng giá trị 3,97 tỷ đồng	Hợp đồng mua bao bì
9.48					13/07/2020		4.167.775 cái, tổng giá trị 20,84 tỷ đồng	Hợp đồng mua bao bì
9.49					31/07/2020		30.500 cái, tổng giá trị 0,08 tỷ đồng	Hợp đồng mua bao bì
9.50					14/08/2020		1.075 cái, tổng giá trị 0,01 tỷ đồng	Hợp đồng mua bao bì
9.51					18/08/2020		137.065 cái, tổng giá trị 0,86 tỷ đồng	Hợp đồng mua bao bì
9.52					27/08/2020		323.310 cái, tổng giá trị 2,01 tỷ đồng	Hợp đồng mua bao bì

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết của ĐHĐCĐ/ HĐQT	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch	Ghi chú
9.53					03/09/2020		45.685 cái, tổng giá trị 0,28 tỷ đồng	Hợp đồng mua bao bì
9.54					03/09/2020		6.190.939 cái, tổng giá trị 29,41 tỷ đồng	Hợp đồng mua bao bì
9.55					09/09/2020		20.100 cái, tổng giá trị 0,04 tỷ đồng	Hợp đồng mua bao bì
9.56					17/09/2020		76.265 cái, tổng giá trị 0,54 tỷ đồng	Hợp đồng mua bao bì
9.57					21/09/2020		26.910 cái, tổng giá trị 0,25 tỷ đồng	Hợp đồng mua bao bì
9.58					04/11/2020		545 cái, tổng giá trị 0,01 tỷ đồng	Hợp đồng mua bao bì

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết của ĐHĐCĐ/ HĐQT	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch	Ghi chú
9.59					10/11/2020		5.120 cái, tổng giá trị 0,04 tỷ đồng	Hợp đồng mua bao bì

Phụ lục 03: Giao dịch giữa công ty với công ty mà thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý khác đã và đang là thành viên sáng lập hoặc thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc điều hành trong thời gian ba (03) năm trở lại đây

(Đính kèm báo cáo tình hình quản trị năm 2020 số: 02 /BC-XNK-HĐQT ngày 30 tháng 01 năm 2021)

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết ĐHĐCĐ/ HĐQT	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch	Ghi chú
1.	Công ty TNHH đầu tư sản xuất thương mại dịch vụ Phan Minh (Viết tắt là Công ty Phan Minh)	TV HĐQT Công ty là Giám đốc Công ty Phan Minh	Số: 0303283290, cấp ngày 27/05/2019, nơi cấp: Sở Kế hoạch Đầu tư TP.HCM	Số 300, Đường Khuông Việt, Phường Phú Trung, Quận Tân Phú, TP. HCM	Năm 2018	Nghị quyết số: 61/NQ-XNK-ĐHĐCĐ ngày 10/05/2018	Mua bán gạo các loại	
1.1					09/04/2018		3.500 tấn gạo, tổng giá trị 1.470.000 usd	Hợp ủy thác
1.2					20/06/2018		5.185 tấn gạo, tổng giá trị 66,887 tỷ đồng	Hợp đồng mua gạo nội địa
1.3					20/06/2018		3.000 tấn gạo, tổng giá trị 35,250 tỷ đồng	Hợp đồng mua gạo nội địa

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết ĐHĐCĐ/ HDQT	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch	Ghi chú
1.4					11/08/2018		3.550 tấn gạo, tổng giá trị 44,908 tỷ đồng	Hợp đồng mua gạo nội địa
1.5					11/08/2018		9.575 tấn gạo, tổng giá trị 111,549 tỷ đồng	Hợp đồng mua gạo nội địa
1.6					11/08/2018		438 tấn gạo, tổng giá trị 4,73 tỷ đồng	Hợp đồng mua gạo nội địa
1.7					11/08/2018		179 tấn gạo, tổng giá trị 1,504 tỷ đồng	Hợp đồng mua gạo nội địa
1.8					04/09/2018		5.125 tấn gạo, tổng giá trị 59,706 tỷ đồng	Hợp đồng mua gạo nội địa
1.9					04/09/2018		2.875 tấn gạo, tổng giá trị 36,369 tỷ đồng	Hợp đồng mua gạo nội địa

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết ĐHĐCĐ/ HĐQT	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch	Ghi chú
1.10					11/10/2018		650 tấn gạo, tổng giá trị 5,317 tỷ đồng	Hợp đồng mua gạo nội địa
2.	Công ty TNHH đầu tư sản xuất thương mại dịch vụ Phan Minh (Viết tắt là Công ty Phan Minh)	TV HĐQT Công ty là Giám đốc Công ty Phan Minh	Số: 0303283290, cấp ngày 27/05/2019, nơi cấp: Sở Kế hoạch Đầu tư TP.HCM	Số 300, Đường Khuông Việt, Phường Phú Trung, Quận Tân Phú, TP. HCM	Năm 2018	Nghị quyết số: 61/NQ-XNK-ĐHĐCĐ ngày 10/05/2018	23.181.733 cái, tổng giá trị 87,388 tỷ đồng	Hợp đồng mua bao bì
3.	Công ty TNHH đầu tư sản xuất thương mại dịch vụ Phan Minh (Viết tắt là Công ty Phan Minh)	TV HĐQT Công ty là Giám đốc Công ty Phan Minh	Số: 0303283290, cấp ngày 27/05/2019, nơi cấp: Sở Kế hoạch Đầu tư TP.HCM	Số 300, Đường Khuông Việt, Phường Phú Trung, Quận Tân Phú, TP. HCM	Năm 2019	Nghị quyết số: 149/NQ-XNK-HĐQT ngày 28/12/2018	Mua, bán gạo các loại	
3.1					01/04/2019		10.000 tấn gạo, tổng giá trị 77,5 tỷ đồng	Hợp đồng bán gạo nội địa
3.2					12/04/2019		1.500 tấn gạo, tổng giá trị 11,7 tỷ đồng	Hợp đồng bán gạo nội địa

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết ĐHĐCĐ/ HDQT	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch	Ghi chú
3.3					19/04/2019		3.300 tấn gạo, tổng giá trị 26,73 tỷ đồng	Hợp đồng bán gạo nội địa
3.4					28/08/2019		52 tấn gạo, tổng giá trị 28.496 usd	Hợp đồng ủy thác
3.5					03/09/2019		606,15 tấn gạo, tổng giá trị 343.146 usd	Hợp đồng ủy thác
3.6					03/09/2019		606,15 tấn gạo, tổng giá trị 344.965 usd	Hợp đồng ủy thác
3.7					03/09/2019		78 tấn gạo, tổng giá trị 41.106 usd	Hợp đồng ủy thác
3.8					14/09/2019		827,366 tấn gạo, tổng giá trị 382.980 usd	Hợp đồng ủy thác

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết ĐHĐCĐ/ HDQT	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch	Ghi chú
3.9					14/09/2019		1.982,005 tấn gạo, tổng giá trị 1.052.757 usd	Hợp đồng ủy thác
3.10					20/09/2019		52 tấn gạo, tổng giá trị 28.392 usd	Hợp đồng ủy thác
3.11					10/01/2019		2.000 tấn gạo, tổng giá trị 770.000 usd	Hợp đồng nhận ủy thác
3.12					10/01/2019		2.000 tấn gạo, tổng giá trị 750.000 usd	Hợp đồng nhận ủy thác
3.13					10/01/2019		2.000 tấn gạo, tổng giá trị 1.070.000 usd	Hợp đồng nhận ủy thác
3.14					12/03/2019		4.000 tấn gạo, tổng giá trị 1.576.00 usd	Hợp đồng nhận ủy thác

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết ĐHĐCĐ/ HDQT	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch	Ghi chú
3.15					12/03/2019		2.000 tấn gạo, tổng giá trị 780.000 usd	Hợp đồng nhận ủy thác
3.16					01/07/2019		3.000 tấn gạo, tổng giá trị 1.470.000 usd	Hợp đồng nhận ủy thác
3.17					24/01/2019		2.000 tấn gạo, tổng giá trị 22,8 tỷ đồng	Hợp đồng mua gạo nội địa
3.18					20/02/2019		10.000 tấn gạo, tổng giá trị 74 tỷ đồng	Hợp đồng mua gạo nội địa
3.19					12/03/2019		4.000 tấn gạo, tổng giá trị 42 tỷ đồng	Hợp đồng mua gạo nội địa
3.20					11/04/2019		1.500 tấn gạo, tổng giá trị 11,685 tỷ đồng	Hợp đồng mua gạo nội địa

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết ĐHĐCĐ/ HDQT	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch	Ghi chú
3.21					22/05/2019		17.000 tấn gạo, tổng giá trị 171,53 tỷ đồng	Hợp đồng mua gạo nội địa
3.22					25/05/2019		2.400 tấn gạo, tổng giá trị 20,16 tỷ đồng	Hợp đồng mua gạo nội địa
4.	Công ty TNHH đầu tư sản xuất thương mại dịch vụ Phan Minh (Viết tắt là Công ty Phan Minh)	TV HĐQT Công ty là Giám đốc Công ty Phan Minh	Số: 0303283290, cấp ngày 27/05/2019, nơi cấp: Sở Kế hoạch Đầu tư TP.HCM	Số 300, Đường Khuông Việt, Phường Phú Trung, Quận Tân Phú, TP. HCM	Năm 2019	Nghị quyết số: 147/NQ-XNK-HĐQT ngày 28/12/2018	14.395.750 cái, tổng giá trị 63,623 tỷ đồng	Hợp đồng mua bao bì
5.	Công ty TNHH đầu tư sản xuất thương mại dịch vụ Phan Minh (Viết tắt là Công ty Phan Minh)	TV HĐQT Công ty là Giám đốc Công ty Phan Minh	Số: 0303283290, cấp ngày 27/05/2019, nơi cấp: Sở Kế hoạch Đầu tư TP.HCM	Số 300, Đường Khuông Việt, Phường Phú Trung, Quận Tân Phú, TP. HCM	Năm 2020	Nghị quyết số: 94/NQ-XNK-HĐQT ngày 27/12/2019	Mua, bán gạo các loại	
5.1					17/01/2020		104 tấn gạo, tổng giá trị 49.244 usd	Hợp đồng Ủy thác

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết ĐHĐCĐ/ HDQT	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch	Ghi chú
5.2					12/05/2020		1.434 tấn gạo, tổng giá trị 900.162 usd	Hợp đồng Ủy thác
5.3					11/08/2020		1.240 tấn gạo, tổng giá trị 758.188 usd	Hợp đồng Ủy thác
5.4					13/07/2020		196 tấn gạo, tổng giá trị 131.418 usd	Hợp đồng Ủy thác
5.5					15/01/2020		15.000 tấn gạo, tổng giá trị 153 tỷ đồng	Hợp đồng mua gạo
5.6					03/02/2020		2.175 tấn gạo, tổng giá trị 19,575 tỷ đồng	Hợp đồng mua gạo
5.7					24/05/2020		14.000 tấn gạo, tổng giá trị 166,6 tỷ đồng	Hợp đồng mua gạo

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết ĐHĐCĐ/ HĐQT	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch	Ghi chú
5.8					26/05/2020		6.000 tấn gạo, tổng giá trị 70,8 tỷ đồng	Hợp đồng mua gạo
5.9					15/08/2020		1.500 tấn gạo, tổng giá trị 17,67 tỷ đồng	Hợp đồng mua gạo
5.10					04/09/2020		5.000 tấn gạo, tổng giá trị 64 tỷ đồng	Hợp đồng mua gạo
5.11					16/09/2020		20.000 tấn gạo, tổng giá trị 24,5 tỷ đồng	Hợp đồng mua gạo
6.	<i>Công ty TNHH đầu tư sản xuất thương mại dịch vụ Phan Minh (Viết tắt là Công ty Phan Minh)</i>	<i>Thành viên HĐQT công ty là giám đốc Công ty Phan Minh</i>	<i>Số: 0303283290, cấp ngày 27/05/2019, nơi cấp: Sở Kế hoạch Đầu tư TP.HCM</i>	<i>Số 300, Đường Khuông Việt, Phường Phú Trung, Quận Tân Phú, TP. HCM</i>	<i>Năm 2020</i>	<i>Nghị quyết số: 90/NQ-XNK-HĐQT ngày 27/12/2019</i>		
6.1					04/01/2020		9.742 cái, tổng giá trị 0,09 tỷ đồng	Hợp đồng mua bao bì

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết ĐHĐCĐ/ HĐQT	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch	Ghi chú
6.2					08/01/2020		2.669.410 cái, tổng giá trị 10,96 tỷ đồng	Hợp đồng mua bao bì
6.3					16/01/2020		6.230 cái, tổng giá trị 0,06 tỷ đồng	Hợp đồng mua bao bì
6.4					04/02/2020		12.350 cái, tổng giá trị 0,12 tỷ đồng	Hợp đồng mua bao bì
6.5					26/02/2020		623.775 cái, tổng giá trị 3,43 tỷ đồng	Hợp đồng mua bao bì
6.6					07/02/2020		24.135 cái, tổng giá trị 0,19 tỷ đồng	Hợp đồng mua bao bì
6.7					19/02/2020		24.485 cái, tổng giá trị 0,16 tỷ đồng	Hợp đồng mua bao bì
6.8					25/02/2020		28.670 cái, tổng giá trị 0,17 tỷ đồng	Hợp đồng mua bao bì

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết ĐHĐCĐ/ HĐQT	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch	Ghi chú
6.9					26/02/2020		4.120 cái, tổng giá trị 0,03 tỷ đồng	Hợp đồng mua bao bì
6.10					03/03/2020		9.260 cái, tổng giá trị 0,09 tỷ đồng	Hợp đồng mua bao bì
6.11					31/01/2020		4.727.350 cái, tổng giá trị 19,24 tỷ đồng	Hợp đồng mua bao bì
6.12					06/03/2020		7.715 cái, tổng giá trị 0,08 tỷ đồng	Hợp đồng mua bao bì
6.13					18/03/2020		41.200 cái, tổng giá trị 0,41 tỷ đồng	Hợp đồng mua bao bì
6.14					20/03/2020		35.540 cái, tổng giá trị 0,2 tỷ đồng	Hợp đồng mua bao bì
6.15					21/03/2020		16.020 cái, tổng giá trị 0,13 tỷ đồng	Hợp đồng mua bao bì

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết ĐHĐCĐ/ HDQT	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch	Ghi chú
6.16					24/03/2020		414.220 cái, tổng giá trị 2,43 tỷ đồng	Hợp đồng mua bao bì
6.17					24/03/2020		8.200 cái, tổng giá trị 0,07 tỷ đồng	Hợp đồng mua bao bì
6.18					31/03/2020		276.810 cái, tổng giá trị 1,43 tỷ đồng	Hợp đồng mua bao bì
6.19					17/04/2020		4.230.390 cái, tổng giá trị 18,57 tỷ đồng	Hợp đồng mua bao bì
6.20					17/04/2020		94.400 cái, tổng giá trị 0,6 tỷ đồng	Hợp đồng mua bao bì
6.21					17/04/2020		31.120 cái, tổng giá trị 0,17 tỷ đồng	Hợp đồng mua bao bì
6.22					20/04/2020		27.415 cái, tổng giá trị 0,18 tỷ đồng	Hợp đồng mua bao bì

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết ĐHĐCĐ/ HĐQT	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch	Ghi chú
6.23					23/04/2020		121.680 cái, tổng giá trị 0,87 tỷ đồng	Hợp đồng mua bao bì
6.24					29/04/2020		73.745 cái, tổng giá trị 0,45 tỷ đồng	Hợp đồng mua bao bì
6.25					29/04/2020		81.920 cái, tổng giá trị 0,53 tỷ đồng	Hợp đồng mua bao bì
6.26					04/05/2020		45.690 cái, tổng giá trị 0,27 tỷ đồng	Hợp đồng mua bao bì
6.27					08/05/2020		526.675 cái, tổng giá trị 0,04 tỷ đồng	Hợp đồng mua bao bì
6.28					09/05/2020		63.670 cái, tổng giá trị 0,66 tỷ đồng	Hợp đồng mua bao bì
6.29					13/05/2020		225.950 cái, tổng giá trị 0,86 tỷ đồng	Hợp đồng mua bao bì

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết ĐHĐCĐ/ HDQT	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch	Ghi chú
6.30					14/05/2020		81.660 cái, tổng giá trị 0,44 tỷ đồng	Hợp đồng mua bao bì
6.31					27/05/2020		219.761 cái, tổng giá trị 1,07 tỷ đồng	Hợp đồng mua bao bì
6.32					04/06/2020		8.235 cái, tổng giá trị 0,08 tỷ đồng	Hợp đồng mua bao bì
6.33					15/06/2020		106.710 cái, tổng giá trị 0,41 tỷ đồng	Hợp đồng mua bao bì
6.34					07/07/2020		1.080 cái, tổng giá trị 0,01 tỷ đồng	Hợp đồng mua bao bì
6.35					14/07/2020		774.215 cái, tổng giá trị 3,97 tỷ đồng	Hợp đồng mua bao bì
6.36					13/07/2020		4.167.775 cái, tổng giá trị 20,84 tỷ đồng	Hợp đồng mua bao bì

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết ĐHĐCĐ/ HĐQT	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch	Ghi chú
6.37					31/07/2020		30.500 cái, tổng giá trị 0,08 tỷ đồng	Hợp đồng mua bao bì
6.38					14/08/2020		1.075 cái, tổng giá trị 0,01 tỷ đồng	Hợp đồng mua bao bì
6.39					18/08/2020		137.065 cái, tổng giá trị 0,86 tỷ đồng	Hợp đồng mua bao bì
6.40					27/08/2020		323.310 cái, tổng giá trị 2,01 tỷ đồng	Hợp đồng mua bao bì
6.41					03/09/2020		45.685 cái, tổng giá trị 0,28 tỷ đồng	Hợp đồng mua bao bì
6.42					03/09/2020		6.190.939 cái, tổng giá trị 29,41 tỷ đồng	Hợp đồng mua bao bì
6.43					09/09/2020		20.100 cái, tổng giá trị 0,04 tỷ đồng	Hợp đồng mua bao bì

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết ĐHĐCĐ/ HĐQT	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch	Ghi chú
6.44					17/09/2020		76.265 cái, tổng giá trị 0,54 tỷ đồng	Hợp đồng mua bao bì
6.45					21/09/2020		26.910 cái, tổng giá trị 0,25 tỷ đồng	Hợp đồng mua bao bì
6.46					04/11/2020		545 cái, tổng giá trị 0,01 tỷ đồng	Hợp đồng mua bao bì
6.47					10/11/2020		5.120 cái, tổng giá trị 0,04 tỷ đồng	Hợp đồng mua bao bì